

Phật giáo đồng hành trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

ISSN: 2734-9195 14:30 02/11/2025

Hơn hai nghìn năm đồng hành cùng dân tộc, Phật giáo Việt Nam đã góp phần định hình bản sắc văn hóa, củng cố khối đại đoàn kết và tham gia tích cực vào sự nghiệp bảo vệ, xây dựng đất nước.

Tác giả: **Phạm Văn Thịnh (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ khoảng thế kỷ I, sớm hòa quyện với tín ngưỡng bản địa, tạo nên một sắc thái riêng trong đời sống tinh thần dân tộc. Trải qua các triều đại, đặc biệt thời Lý - Trần, Phật giáo không chỉ giữ vị thế quốc giáo mà còn tham gia trực tiếp vào quản trị quốc gia, góp phần định hình nền văn hóa - chính trị đậm chất nhân văn. Từ các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đến công cuộc kiến thiết đất nước, Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc, lan tỏa giá trị từ bi, trí tuệ và hòa hợp.

Bước sang thế kỷ XXI, trước tác động mạnh mẽ của toàn cầu hóa, chuyển đổi số và các thách thức xã hội như khủng hoảng môi trường, gia tăng bất bình đẳng hay suy giảm kết nối cộng đồng, Phật giáo Việt Nam đứng trước yêu cầu vừa bảo tồn di sản tinh thần, vừa đổi mới phương thức hoạt động. Tuy đã có nhiều công trình nghiên cứu về từng giai đoạn phát triển của Phật giáo, vẫn thiếu các phân tích tổng hợp từ khởi nguyên đến hiện đại, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa. Nghiên cứu này nhằm: (1) hệ thống hóa tiến trình lịch sử Phật giáo Việt Nam; (2) phân tích vai trò nhập thế và đóng góp cho dân tộc; (3) nhận diện cơ hội và thách thức trong kỷ nguyên mới; (4) đề xuất các giải pháp thực tiễn để phát huy vai trò của Phật giáo trong phát triển đất nước..

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp lịch sử - Logic: Trình bày và phân tích tiến trình hình thành, phát triển, hưng thịnh và phục hưng của Phật giáo Việt Nam từ thế kỷ I đến đầu thế kỷ XX. Tái hiện bối cảnh chính trị, xã hội, văn hóa từng thời kỳ để giải thích sự biến đổi của Phật giáo.



Hình mang tính minh họa (ảnh: Internet)

Phương pháp phân tích - tổng hợp tư liệu: Sử dụng và đối chiếu nhiều nguồn tư liệu (sách, công trình nghiên cứu của Xuân 2005, Thêm 1997, Hiệp 2018, Liên 2020...) để rút ra nhận định khái quát. Kết hợp thông tin từ các ghi chép lịch sử với kết luận của các nhà nghiên cứu hiện đại.

Phương pháp so sánh - đối chiếu: So sánh vai trò và ảnh hưởng của các dòng truyền giáo từ Ấn Độ và Trung Quốc trong từng giai đoạn. Đối chiếu đặc điểm Phật giáo Việt Nam với các khu vực khác (Trung Hoa, Đông Nam Á) để làm rõ tính bản địa hóa.

Phương pháp phân tích nhân vật và sự kiện tiêu biểu: Tập trung vào các nhân vật có vai trò lớn (Khương Tăng Hội, Lý Công Uẩn, Trần Nhân Tông...) và các sự kiện then chốt (sáng lập Thiền phái Trúc Lâm, phong trào Chấn hưng Phật giáo).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1 Phật giáo Việt Nam trong hành trình đồng hành cùng dân tộc

3.1.1 Tiến trình hình thành, hưng thịnh, suy tàn và phục hưng của Phật giáo Việt Nam (thế kỷ I - đầu thế kỷ XX)

Theo các nhà nghiên cứu, Phật giáo vào nước ta từ rất sớm từ khoảng những năm đầu công nguyên (Xuân, 2005), thời kỳ đầu truyền bá Phật giáo vào Việt Nam chủ yếu trực tiếp từ Ấn Độ sang bằng đường biển cùng với các thương nhân. Đến thế kỷ V, Phật giáo đã được truyền đến nhiều nơi trên đất nước và đã xuất hiện những nhà sư Việt Nam có danh tiếng. Giai đoạn từ thế kỷ VI đến thế kỷ X trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam vẫn được xem là giai đoạn truyền giáo. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, ảnh hưởng của các nhà truyền giáo Ấn Độ giảm dần, trong khi các nhà truyền giáo Trung Quốc tăng lên.

Các nghiên cứu lịch sử chỉ ra rằng Phật giáo đã du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, khoảng những thế kỷ đầu Công nguyên (Xuân, 2005). Trong giai đoạn khởi nguyên, hoạt động truyền bá diễn ra chủ yếu qua tuyến hàng hải từ Ấn Độ, gắn liền với các đoàn thương nhân và nhà sư viễn du. Luy Lâu, trụ sở quận Giao Chỉ, từ rất sớm đã trở thành trung tâm Phật giáo lớn ở khu vực Đông Nam Á, đóng vai trò cầu nối giữa Ấn Độ, Trung Á và Trung Hoa.

Từ đây, nhiều cao tăng đã tỏa đi hoằng pháp ở các vùng khác, tiêu biểu là Khương Tăng Hội - nhà sư gốc Trung Á, và Ma-ha-kì-vực (Mahajivaka) - tăng sĩ người Ấn Độ. Họ không chỉ truyền bá giáo lý Phật đà sâu rộng trong nước mà còn trực tiếp sang Trung Hoa truyền đạo, góp phần đặt nền móng cho sự giao lưu văn hóa - tôn giáo giữa Việt Nam và các nước trong khu vực. Hoạt động của các vị này cho thấy Giao Chỉ không chỉ tiếp nhận Phật giáo một cách thụ động mà còn chủ động trở thành trung tâm truyền bá, sáng tạo và thích ứng giáo lý vào bối cảnh bản địa, tạo nên dấu ấn riêng của Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ hình thành ban đầu.

Sau này, khi trả lời vua Tùy Văn Đế về tình hình Phật giáo Giao Châu, nhà sư Đàm Thiên đã nói rằng: “Xứ Giao Châu có đường thông sang Thiên Trúc. Phật giáo truyền vào Trung Hoa chưa phổ cập đến Giang Đông mà xứ ấy đã xây ở Luy Lâu hơn 20 bảo tháp, độ được hơn 500 vị tăng và dịch được 15 bộ kinh rồi. Thế là xứ ấy theo đạo Phật trước ta” (Thêm, 1997). Ngay từ buổi đầu, đạo Phật khi du nhập đã biết thích nghi với văn hóa bản địa - “nó đã có nhiều biến đổi để tự thích nghi với phong tục tập quán... dẫn đến sự kết hợp của hai dòng tín ngưỡng là tín ngưỡng bản địa... và tín ngưỡng Phật giáo từ Ấn Độ, Trung Hoa truyền vào” (Thơm & Hà, 2025). Sự dung hòa này giúp Phật giáo bén rễ vững chắc trong xã hội Việt Nam thời kỳ đầu.

Đến thế kỷ V, Phật giáo đã lan tỏa đến nhiều vùng trên lãnh thổ, hình thành cộng đồng tín đồ ổn định và xuất hiện những vị tăng sĩ người Việt có uy tín, được biết đến trong khu vực như Huệ Thắng, học trò của Đạt Ma Đề Bà, tu tại chùa Tiên Châu, Đạo Thiền, Đạo Cao và Pháp Minh. (Xuân, 2005).

Từ thế kỷ VI đến thế kỷ X, tiến trình truyền bá vẫn tiếp tục giữ vai trò trung tâm trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Tuy nhiên, trong thời kỳ này, vai trò của các tăng sĩ và đoàn truyền giáo Ấn Độ dần thu hẹp, nhường chỗ cho sự gia tăng ảnh hưởng từ các nhà truyền giáo xuất phát từ Trung Hoa (Xuân, 2005), tạo nên sự biến đổi nhất định trong đường hướng hoằng pháp và đặc điểm tiếp biến văn hóa Phật giáo ở Việt Nam.

Bước sang thế kỷ X, với thắng lợi của các cuộc đấu tranh giành độc lập, Việt Nam mở ra kỷ nguyên tự chủ, tạo tiền đề thuận lợi để Phật giáo phát triển mạnh mẽ hơn. Dưới các triều Đinh và Tiền Lê, tuy Phật giáo chưa được chính thức tuyên xưng là quốc đạo, nhưng đã được xác lập vị thế là tôn giáo trọng yếu của quốc gia.

Triều đình ban hành nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ việc xây dựng chùa tháp, đào tạo tăng sĩ và khuyến khích hoạt động hoằng pháp.

Đồng thời, giới tăng lữ còn được triều đình trọng dụng trong các lĩnh vực cố vấn chính trị, ngoại giao và giáo hóa dân chúng, qua đó củng cố vai trò của Phật giáo như một trụ cột tinh thần, góp phần ổn định xã hội và củng cố quyền lực vương triều.



Hình mang tính minh họa (ảnh: Internet)

Dưới thời Lý - Trần, Phật giáo đã nhanh chóng trở thành quốc giáo, mọi người dân đều hướng về Phật giáo, cả nước có tới 2/3 dân là sãi (Thơm & Hà, 2025). Đây cũng là thời kỳ Phật giáo thâm nhập vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó tham gia cả vào những lĩnh vực quan trọng là chính trị. Triều Lý (1009 - 1225) được giới nghiên cứu đánh giá là vương triều Phật giáo tiêu biểu đầu tiên trong lịch sử Việt Nam. Người sáng lập triều đại - Lý Công Uẩn (Lý Thái Tổ) - vốn xuất thân từ môi trường thiền môn, từng theo học với thiền sư Lý Khánh Vân và thụ giới Sa-di cùng thiền sư Vạn Hạnh. Sự am hiểu giáo lý và gắn bó sâu sắc với Phật giáo của nhà vua đã tạo tiền đề để tôn giáo này trở thành nền tảng tinh thần của triều chính. Sang thời Trần (1225 - 1400), Phật giáo Việt Nam đạt tới đỉnh cao thịnh trị và được xác lập vị thế quốc đạo.

Đặc biệt, triều Trần ghi dấu ấn với sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - một dòng thiền mang bản sắc thuần Việt, kết hợp hài hòa giữa tư tưởng thiền học và tinh thần nhập thế. Ba vị Tổ sư - Trần Nhân Tông, Pháp Loa (1284 - 1330) và Huyền Quang (1254 - 1334) - không chỉ phát triển giáo lý mà còn đưa tinh thần Phật pháp gắn liền với đời sống xã hội, góp phần định hình diện mạo đặc thù của Phật giáo Việt Nam. Trần Nhân Tông đã vận dụng khéo léo và triệt để tinh thần nhập thế của Phật giáo vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, gắn kết Phật giáo Trúc Lâm với vận mệnh quốc gia, từ đó đã tạo nên sức bật phi thường cho tinh thần dân tộc, tự chủ, tự cường, tự tôn trong suốt tiến trình lịch sử phát triển của nó (Hiệp, 2018).

Mô hình Phật giáo Nhất tông được khởi xướng dưới thời Trần Thái Tông như một định hướng thống nhất các tông phái, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Phật giáo Việt Nam. Đến thời Trần Nhân Tông, mô hình này mới được triển khai mạnh mẽ trong thực tiễn, gắn liền với quá trình hình thành và phát triển Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Trần Nhân Tông, sau khi hoàn tất sứ mệnh trị quốc, xuất gia tu hành và được tôn xưng là Phật Hoàng, trở thành giáo chủ tối cao của Trúc Lâm. Dòng thiền này mang đậm tinh thần nhập thế và bản sắc dân tộc, nhấn mạnh việc tu chứng ngay trong đời sống thường nhật, thay vì tách biệt khỏi xã hội.

Tư tưởng dân tộc của Trần Nhân Tông thể hiện rõ qua các chỉ dẫn chính trị - đạo đức cho thế hệ kế thừa. Trong lễ truyền ngôi cho Trần Anh Tông, ông đã đúc kết kinh nghiệm trị quốc an dân thành bảy điều răn dạy, coi đây là kim chỉ nam để vừa giữ vững độc lập quốc gia, vừa đảm bảo đời sống an lạc của nhân dân (Hậu, 1997). Những lời huấn dụ này không chỉ có giá trị đối với triều đại Trần mà còn trở thành di sản tư tưởng quý báu cho hậu thế. Chủ nghĩa yêu nước, được hun đúc qua tinh thần nhập thế của các bậc thiền sư, đã trở thành sợi chỉ đỏ kết nối Phật giáo với vận mệnh dân tộc.

Như vậy, có thể cho rằng, trong quá trình hình thành và phát triển, Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử đã đóng vai trò quan trọng, đã góp phần lớn trong việc hình thành bản sắc văn hóa dân tộc. Vai trò ấy được thể hiện thông qua tính dân tộc của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử, là một nền Phật giáo giải Ấn, giải Hoa, mang tính dân tộc, tính sáng tạo rõ nét, mà Tuệ Trung Thượng sĩ, có thể cần được nhìn nhận như là vị giáo tổ mở đầu cho một đặc tính mới của Phật giáo Việt Nam thời cận đại (Liên, 2020).

Dưới triều Lê Sơ (thế kỷ XV), vị thế của Phật giáo Việt Nam suy giảm đáng kể do chính sách đề cao Nho giáo và hạn chế ảnh hưởng của các tôn giáo khác trong quản trị quốc gia. Suốt nhiều thế kỷ sau đó, Phật giáo chủ yếu tồn tại trong đời sống dân gian, giữ vai trò văn hóa - tín ngưỡng hơn là trung tâm quyền lực tinh thần của quốc gia.

Mặc dù chịu nhiều biến động lịch sử, với truyền thống yêu nước và gắn bó sâu sắc với dân tộc, Phật giáo đã trở về với đời sống thôn quê, trở thành hạt nhân gắn kết cộng đồng, giữ vững nền tảng trong lòng quần chúng. Trên cơ sở tinh thần khoan dung, Phật giáo tiếp tục dung hòa và làm mới tư tưởng Tam giáo (Phật - Lão - Nho) vốn tồn tại từ trước, tạo nên sắc thái đặc trưng trong giai đoạn này. Các quan niệm như Tam giáo đồng nguyên (cùng một nguồn gốc), Tam giáo đồng tông (cùng một tổ tiên tinh thần) và Tam giáo đồng quy (cùng một mục đích) được định hình rõ nét, phản ánh sự hội nhập và giao thoa tư tưởng trong bối cảnh lịch sử - văn hóa đương thời. Đầu thế kỷ XVIII, vua Quang Trung có quan tâm chấn hưng đạo Phật, xuống chiếu chính đốn việc cất chùa, cho cất các chùa lớn đẹp, chọn các tăng nhân có học thức và đạo đức cho coi chùa, song vì vua mất sớm nên việc này ít thu được kết quả (Thêm, 1997).

Mãi đến đầu thế kỷ XX, Phật giáo mới bước vào giai đoạn phục hưng mạnh mẽ nhờ phong trào Chấn hưng Phật giáo lan rộng từ Trung Quốc, Nhật Bản rồi tác động sâu rộng tới nhiều nước châu Á, trong đó có Việt Nam. Tại Việt Nam, phong trào này không chỉ mang ý nghĩa tôn giáo, nhằm cải tổ tổ chức, đào tạo tăng tài, và chấn chỉnh nghi lễ, mà còn hàm chứa giá trị chính trị - xã hội rõ nét. Trong bối cảnh đất nước đang dưới ách thực dân, hoạt động chấn hưng đã góp phần khơi dậy tinh thần dân tộc, củng cố ý thức độc lập, và trở thành một bộ phận gắn bó với phong trào đấu tranh giành tự do cho dân tộc. Một số nhà sư cùng nhân sĩ, trí thức yêu nước, mến đạo muốn Phật giáo phát triển, qua đó lấy ngọn cờ Phật giáo để đoàn kết tập hợp lực lượng chống Pháp. Trong bối cảnh lịch sử và xã hội đầy biến động dưới sự thống trị của thực dân Pháp, nhu cầu chấn hưng Phật giáo không chỉ xuất phát từ nội tại tôn giáo mà còn phản ánh khát vọng của người Việt trong việc bảo vệ bản sắc văn hóa và đấu tranh cho độc lập dân tộc (Chinh, 2025).

Trong thời kỳ diễn ra phong trào Chấn hưng Phật giáo, chính quyền thực dân Pháp đã tìm mọi cách can thiệp, từ việc lôi kéo, thao túng một số cá nhân và tổ chức tôn giáo, cho đến mưu đồ biến Phật giáo thành lực lượng hậu thuẫn cho mục tiêu chính trị của họ. Tuy nhiên, những toan tính này hầu như không đạt kết quả, bởi đa số tăng ni và Phật tử vẫn kiên định với truyền thống yêu nước, gắn bó mật thiết với dân tộc. Họ duy trì nếp sinh hoạt tu hành theo sơn môn, tông phái, đồng thời tích cực đóng góp cả nhân lực lẫn vật lực cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

3.1.2 Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng khát vọng độc lập dân tộc - thống nhất đất nước

Phật giáo Việt Nam trong Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến chống Pháp

Trong Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến chống thực dân Pháp, nhiều tăng ni, Phật tử đã tham gia các tổ chức cách mạng như Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt ở nhiều cấp độ. Không ít ngôi chùa trở thành cơ sở bí mật, nơi che giấu, bảo vệ cán bộ cách mạng. Ở Nam Bộ, tổ chức Phật giáo Cứu quốc đặc biệt phát triển, thu hút đông đảo tăng ni tham gia, đóng góp tích cực vào phong trào đấu tranh giành độc lập (Xuân, 2005).

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Phật giáo Việt Nam đã nhanh chóng hòa nhịp với phong trào cách mạng dân tộc. Hưởng ứng chủ trương của Đảng và lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, người cày có ruộng và tự do tín ngưỡng, nhiều tổ chức Phật giáo yêu nước như Tăng già Cứu quốc, Hội Phật giáo Cứu quốc, Bộ đội Tăng già được thành lập, quy tụ đông đảo tăng ni, Phật tử tham gia kháng chiến. Các ngôi chùa trên khắp ba miền trở thành cơ sở liên lạc, kho dự trữ lương thực, nơi nuôi giấu cán bộ và tổ chức hoạt động vận động quần chúng.

Nhiều nhà sư không chỉ đóng góp về vật chất, tinh thần mà còn trực tiếp tham gia chiến đấu. Tiêu biểu là sự kiện “cởi áo cà sa ra trận” của các tăng sĩ ở Nam Định, hay phong trào bộ đội Tăng già ở Hải Phòng và lực lượng tự vệ tại Ninh Bình. Tại Nam Bộ, Hội Phật giáo Cứu quốc dưới sự lãnh đạo của Hòa thượng Thích Minh Nguyệt khẳng định quan điểm gắn bó mật thiết giữa đạo pháp và dân tộc, xem bảo vệ Tổ quốc là bốn phận thiêng liêng của người Phật tử. Ở Trung Bộ, nhiều cao tăng và tăng sĩ trẻ tại Huế và các tỉnh lân cận đã tham gia Việt Minh, phát huy tinh thần “vô ngã vị tha” trong thực tiễn đấu tranh (Nhu, 2019).

Sự nhập cuộc toàn diện này cho thấy Phật giáo Việt Nam không chỉ là chỗ dựa tinh thần mà còn là một lực lượng xã hội tích cực, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ

Sau 1954, khi đất nước tạm thời bị chia cắt, Phật giáo ở hai miền có hình thức hoạt động khác nhau. Ở miền Bắc thành lập Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam với mục đích hoạt động “*Hòa hợp tăng sự, cư sĩ, các nhà nghiên cứu Phật học để: Hoằng dương Phật pháp, lợi lạc quần sinh, Phụng sự Tổ quốc, bảo vệ hòa bình*”.

Tại miền Nam giai đoạn 1954 - 1975, Phật giáo duy trì liên tục các phong trào đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn, với nội dung gắn liền lý tưởng dân tộc và dân chủ. Đặc biệt, đầu thập niên 1960, phong trào phản đối chính sách đàn áp tôn giáo của chế độ Ngô Đình Diệm đã bùng nổ mạnh mẽ, lan rộng khắp các đô thị miền Nam. Sự kiên trì, quyết liệt của giới tăng ni và Phật tử trong giai đoạn này không chỉ bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng mà còn góp phần quan trọng vào việc làm lung lay và dẫn tới sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm vào năm 1963. Thời kỳ này có những tăng ni, Phật tử dũng cảm tự thiêu để đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn để bảo vệ “Đạo pháp và Dân tộc” như Hòa thượng Thích Quảng Đức (11 tháng 6 năm 1963), Đại đức Thích Nguyên Hương (4 tháng 8 năm 1963), Đại đức Thích Thanh Tuệ (13 tháng 8 năm 1963), Ni cô Thích Nữ Niệm Quang (15 tháng 8 năm 1963), Thượng tọa Thích Tiêu Diêu (16 tháng 8 năm 1963), Phật tử Quách Thị Trang (25 tháng 8 năm 1963) (Xuân, 2005).

Phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam năm 1963 đã huy động rộng rãi quần chúng, trở thành nhân tố quan trọng làm suy yếu chính quyền Ngô Đình Diệm. Cùng với các phong trào đấu tranh đô thị, Phật giáo góp phần trực tiếp dẫn tới sự rạn nứt quan hệ Mỹ - Diệm trong cuộc đảo chính ngày 1/11/1963. Sau đó, tình trạng đảo chính và phản đảo chính liên tiếp ở Sài Gòn khiến bộ máy chính quyền miền Nam rơi vào khủng hoảng kéo dài, tạo điều kiện thuận lợi để cách mạng miền Nam phát triển và đạt nhiều thắng lợi trong các giai đoạn tiếp theo (Tiến & Sáng, 2013).

Phật giáo trong thời kỳ xây dựng và hội nhập từ sau 1975

Sau đại thắng mùa xuân 1975, thống nhất đất nước, Phật giáo Việt Nam đã thống nhất các tổ chức hệ phái Phật giáo trong một tổ chức chung thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, thông qua hiến chương và chương trình hoạt động với đường hướng “Đạo pháp - dân tộc - chủ nghĩa xã hội”.

Sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981 đánh dấu một bước ngoặt lịch sử quan trọng trong tiến trình phát triển của Phật giáo nước nhà. Trải qua nhiều nỗ lực thống nhất trước đó, như cuộc vận động năm 1951, 1957-1958 và 1964, Phật giáo Việt Nam vẫn chưa đạt được sự đoàn kết toàn diện do giới hạn về phạm vi vùng miền và tổ chức. Đầu thập niên 1980, trước nguyện vọng chung của tăng ni, phật tử cả nước, Ban Vận động Thống nhất Phật giáo được thành lập với sự tham gia của đại diện 9 tổ chức và hệ phái lớn, trong đó có Bắc tông, Nam tông, Khất sĩ và Phật giáo Khmer. Tháng 11 năm 1981, Đại hội Thống nhất Phật giáo diễn ra tại chùa Quán Sứ, Hà Nội với 168 đại biểu, chính thức thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam - ngôi nhà chung của toàn thể tăng ni, phật tử.

Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam khẳng định nguyên tắc “thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức” nhưng vẫn tôn trọng các truyền thống tu hành chính pháp, đồng thời xác định phương châm hoạt động là “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội” (Ngọc, 2019).

Giáo hội Phật giáo Việt Nam trở thành tổ chức duy nhất đại diện cho Phật giáo Việt Nam trong và ngoài nước, với mục tiêu hoằng dương Phật pháp, đồng hành cùng dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần kiến tạo hòa bình, an lạc cho thế giới.

Từ khi thành lập, Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn coi trọng hoằng pháp và giáo dục nhằm xây dựng đời sống văn hóa, đạo đức cho nhân dân. Năm 1981, Ban Giáo dục Tăng Ni ra đời, đào tạo đội ngũ tăng ni có trình độ và đạo hạnh, tiếp nối lý tưởng “hộ quốc, an dân” trong thời bình (Điện, 2022). Đến nay, hệ thống giáo dục Phật giáo hoàn chỉnh từ sơ cấp đến sau đại học, cung cấp hàng nghìn tăng ni phục vụ Giáo hội và xã hội. Công tác hoằng pháp liên tục đổi mới, đặc biệt trong dịch COVID-19, nhiều hoạt động tu học được tổ chức trực tuyến, mở rộng tiếp cận giáo lý. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng văn phòng điện tử và số hóa quản lý Phật sự đã nâng cao hiệu quả hoạt động, góp phần định hướng lối sống đạo đức và củng cố đời sống tinh thần, nhất là cho thế hệ trẻ.

Công tác từ thiện xã hội luôn được xem là một trong những hoạt động trọng tâm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Hoạt động này chủ yếu hướng đến việc chăm sóc, hỗ trợ cho những đối tượng yếu thế trong xã hội như trẻ mồ côi, người già neo đơn hay người khuyết tật, thông qua hàng trăm cơ sở nuôi dưỡng đang hoạt động. Cho đến nay, Giáo hội duy trì hơn 160 Tuệ Tĩnh đường, khoảng 700 phòng chẩn trị y học cổ truyền cùng một phòng khám đa khoa, thường xuyên tổ chức khám và phát thuốc miễn phí, phục vụ hàng chục nghìn lượt

bệnh nhân mỗi năm (Diệp, 2021).

Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn kịp thời tham gia cứu trợ thiên tai, hỗ trợ xóa đói giảm nghèo, chăm lo người có công và đồng hành cùng lực lượng bảo vệ biển đảo. Các hoạt động từ thiện như xây cầu, làm đường, phát quà, tặng xe lăn, hiến máu nhân đạo hay hỗ trợ ngư dân đã mang lại giá trị hàng nghìn tỷ đồng mỗi năm, tổng cộng gần 20.000 tỷ đồng trong 40 năm qua. Bên cạnh đó, Giáo hội còn thực hiện cứu trợ quốc tế tại Nhật Bản, Nepal, Indonesia và hỗ trợ lương thực, vật tư y tế cho nhiều nước trong đại dịch COVID-19 (Diệp, 2021).

Phật giáo Việt Nam sau 1975 nổi bật với các hoạt động từ thiện và nhân đạo hướng đến cộng đồng. Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng tăng ni, Phật tử tích cực tham gia xóa đói giảm nghèo, cứu trợ thiên tai, xây dựng nhà tình nghĩa và hỗ trợ người khó khăn. Trong đại dịch COVID-19, tinh thần từ bi cứu khổ được phát huy mạnh mẽ qua phong trào “cởi áo cà sa, khoác áo blouse trắng”, bữa cơm thiện nguyện, và việc một số chùa làm bệnh viện dã chiến (Điện, 2022). Đồng thời, Giáo hội vận động nguồn lực gần 1.000 tỷ đồng để ủng hộ Quỹ vắc xin, mua sắm trang thiết bị y tế và thuốc men cho bệnh nhân (Diệp, 2021). Song song, Phật giáo đẩy mạnh bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu thông qua tuyên truyền, giáo dục lối sống xanh, hạn chế đốt vàng mã, trồng cây gây rừng, và phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Mặt trận Tổ quốc triển khai các chương trình bảo vệ môi sinh. Những hoạt động này đã góp phần lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường và thể hiện trách nhiệm xã hội của Phật giáo Việt Nam.

Bên cạnh đó, việc hiện diện của các ngôi chùa tại Trường Sa và khu vực biên giới không chỉ mang ý nghĩa tôn giáo mà còn là biểu tượng của tinh thần hộ quốc an dân. Những ngôi chùa này trở thành điểm tựa tâm linh cho quân dân, củng cố sức mạnh đoàn kết và ý chí bảo vệ Tổ quốc. Qua đó, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã góp phần khẳng định chủ quyền thiêng liêng của đất nước, đồng thời lan tỏa thông điệp về hòa bình, hữu nghị và tinh thần gắn bó mật thiết giữa đạo và đời.

Với lịch sử hơn 2000 năm, Phật giáo là thành tố quan trọng của văn hóa Việt Nam và tiếp tục giữ vai trò nòng cốt trong bảo tồn bản sắc dân tộc sau 1975 (Thanh & Xuyên, 2019). Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tổ chức nhiều hội thảo, triển lãm, tọa đàm quốc tế và nghiên cứu chuyên đề, đồng thời triển khai các đề án về pháp phục, kiến trúc, ngôn ngữ, di sản để thống nhất chuẩn mực và gìn giữ nét đặc trưng văn hóa Phật giáo. Những hoạt động này góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc, làm phong phú đời sống tinh thần nhân dân. Giáo hội Phật giáo Việt Nam là thành viên tích cực của Mặt trận

Tổ quốc, vận động tăng ni, Phật tử “sống tốt đời, đẹp đạo”, tham gia các phong trào ích nước, lợi dân và đóng góp ý kiến xây dựng chính sách đại đoàn kết. Phật giáo đã hỗ trợ lực lượng biên giới, hải đảo, tham gia xây dựng nông thôn mới, giữ gìn an ninh trật tự, qua đó thắt chặt gắn bó đạo - đời, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.



(Ảnh: Internet)

Trong thời kỳ hội nhập, Phật giáo Việt Nam không chỉ phát huy vai trò trong nước mà còn vươn ra quốc tế, thiết lập hợp tác với nhiều tổ chức Phật giáo, tham gia các diễn đàn quốc tế và đăng cai thành công Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc (2008, 2014, 2019, 2025).

Những sự kiện này quảng bá hình ảnh Phật giáo Việt Nam năng động, thân thiện và giàu truyền thống, đồng thời góp phần vào ngoại giao nhân dân. Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng cử tăng ni du học, tham dự hội thảo quốc tế, đóng góp tiếng nói vì hòa bình và phát triển bền vững.

Bước vào kỷ nguyên số, Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhanh chóng ứng dụng công nghệ trong hoằng pháp và quản lý, phát triển cổng thông tin, mạng xã hội Phật giáo và các chương trình trực tuyến. Những đóng góp toàn diện này đã được Nhà nước ghi nhận bằng nhiều phần thưởng cao quý, khẳng định vai trò của Phật giáo trong sự nghiệp phát triển đất nước.

Qua hơn hai nghìn năm đồng hành và phát triển cùng dân tộc, Phật giáo Việt Nam đã trải qua các chặng đường hình thành, hưng thịnh, suy thoái và phục

hưng. Từ khi du nhập, Phật giáo nhanh chóng thích ứng với văn hóa bản địa, trở thành nền tảng tinh thần quan trọng dưới triều Lý - Trần, rồi dần lùi về đời sống dân gian thời Lê - Nguyễn. Bước sang thế kỷ XX, phong trào Chấn hưng khơi dậy tinh thần dân tộc, góp phần cho công cuộc giải phóng. Sau 1975, với sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981, Phật giáo tiếp tục khẳng định vai trò đồng hành cùng dân tộc qua các hoạt động hoằng pháp, giáo dục, từ thiện, bảo vệ chủ quyền và hội nhập quốc tế. Toàn bộ tiến trình này cho thấy Phật giáo không chỉ là một tôn giáo mà còn là lực lượng gắn bó mật thiết với vận mệnh dân tộc.

3.2 Phật giáo trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

3.2.1 Cơ hội và thách thức

Bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ của đất nước, Phật giáo Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội thuận lợi. Từ trước tới nay, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến tự do tín ngưỡng tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng. Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946 cũng như những Hiến pháp sau này đều khẳng định Quyền tự do tín ngưỡng là một trong năm quyền cơ bản của công dân. Để bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo tinh thần Hiến pháp 2013 và phù hợp với thực tiễn sinh hoạt tôn giáo ở Việt Nam, Quốc hội khóa XIV tại kỳ họp thứ 2 (ngày 18/11/2016) đã thông qua Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. Tiếp đó, Chính phủ ban hành Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. Cả hai văn bản này bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, trở thành cơ sở pháp lý quan trọng trực tiếp điều chỉnh các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

Quan điểm nhất quán về tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo tiếp tục được khẳng định tại các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng. Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tháng 01/2021), Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: *“Thực hiện tốt mục tiêu đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết toàn dân tộc. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người theo quy định của pháp luật. Phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo vào giữ gìn và nâng cao đạo đức truyền thống xã hội, xây dựng đời sống văn hóa ở các khu dân cư, góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tạo điều kiện cho Phật giáo Việt Nam có nhiều thuận lợi để phát triển. Trước hết, hành lang pháp lý vững chắc được khẳng định trong Hiến pháp 2013,

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 và Nghị định 162/2017/NĐ-CP đã bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tạo nền tảng cho hoạt động Phật sự. Bên cạnh đó, quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về tôn trọng, phát huy giá trị văn hóa - đạo đức của tôn giáo giúp Phật giáo có cơ hội đóng góp sâu rộng vào đời sống xã hội. Đây là cơ sở thuận lợi để Phật giáo tiếp tục đồng hành cùng dân tộc trong thời kỳ hội nhập.

Bên cạnh đó, vị thế quốc tế của Việt Nam ngày càng được nâng cao tạo điều kiện để Phật giáo mở rộng giao lưu, hợp tác với các tổ chức Phật giáo và tôn giáo khác trên thế giới, góp phần quảng bá hình ảnh văn hóa Việt Nam. Tiến bộ khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ số, mở ra phương thức hoằng pháp mới, giúp giáo lý nhà Phật đến với cộng đồng nhanh chóng, vượt qua giới hạn không gian và thời gian. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã làm mờ đi ranh giới giữa thế giới thực và thế giới ảo, giữa khoa học xã hội và khoa học nhân văn, khoa học và tôn giáo. Như nhà vật lý học Werner Heisenberg nhận định “Khát vọng vượt qua những điều đối lập, bao gồm sự tổng hợp cả hiểu biết duy lý và trải nghiệm tâm linh, về tính thống nhất của vũ trụ, là nét đặc trưng của chúng ta” (Thạch, 2018).

Tuy nhiên, Phật giáo cũng đối diện với nhiều thách thức: trước hết, quá trình toàn cầu hóa và xu hướng thế tục hóa đang có nguy cơ làm suy giảm vai trò truyền thống của Phật giáo. Chẳng hạn, hiện tượng “Phật giáo thế tục” tại phương Tây đánh dấu sự đoạn tuyệt với truyền thống, khi các giáo lý cổ điển được điều chỉnh cho phù hợp văn hóa thế tục (Bodhi, 2024). Song song đó, sự phổ biến thực hành chánh niệm trong đời sống thế tục - thường được tiếp thị như kỹ thuật giảm căng thẳng tách rời nền tảng đạo đức - có thể làm loãng chiều sâu tâm linh của Phật giáo. Kế đến, nguy cơ thương mại hóa các giá trị tâm linh cũng đặt ra thách thức nghiêm trọng. Việc thương mại hóa hình tượng Phật giáo (ví dụ tượng Phật làm đồ trang trí, sử dụng thương hiệu “Thiền” trên sản phẩm tiêu dùng) đang làm tầm thường hóa những biểu tượng thiêng liêng cũng như một số vụ việc nổi bật gần đây như lễ “thỉnh vong giải oan gia trái chủ” ở chùa Ba Vàng hay “xá lợi tóc Phật” đều gây ảnh hưởng lớn đến uy tín của giáo hội.

Bên cạnh đó, lối sống thực dụng của giới trẻ đòi hỏi Phật giáo phải đổi mới phương thức tiếp cận. Hiện đại hóa và đô thị hóa nhanh chóng tại châu Á đã dẫn đến sự suy giảm số lượng người trẻ xuất gia, do họ ưu tiên phát triển sự nghiệp hơn hoạt động tâm linh. Các cơ sở tu hành từng là trụ cột tinh thần nay gặp khó khăn trong việc duy trì sức hút trong xã hội đề cao vật chất. Do vậy, Phật giáo cần sáng tạo hơn trong việc thu hút giới trẻ - chẳng hạn tổ chức khóa tu thanh niên, hội thảo chánh niệm hay cộng đồng trực tuyến - nhằm đáp ứng

mối quan tâm của họ (từ sức khỏe tâm thần đến áp lực nghề nghiệp).

Không những vậy, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đem đến nhiều nguy cơ, thách thức sẽ đến từ cách mạng công nghiệp 4.0 đối với các quốc gia trên thế giới nói chung và ở nhiều nước châu Á nói riêng khi không sở hữu một nền công nghệ, kỹ thuật hiện đại, nhưng lại đang lưu giữ khối di sản Phật giáo đồ sộ của nhân loại. Nói khác đi, trong cách mạng công nghiệp 4.0, giá trị di sản Phật giáo sẽ khó giữ được vị thế mà mình đang có (Đồng, 2019). Bên cạnh đó, biến đổi xã hội và lối sống thực dụng ở một bộ phận giới trẻ đòi hỏi Phật giáo phải đổi mới phương thức tiếp cận, vừa giữ gìn bản sắc vừa đáp ứng nhu cầu tâm linh hiện đại. Ngoài ra, yêu cầu tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, bất bình đẳng xã hội, khủng hoảng tinh thần... cũng đặt Phật giáo trước trách nhiệm mở rộng vai trò xã hội, không chỉ giới hạn trong phạm vi nghi lễ hay giáo dục truyền thống.

3.2.2 Định hướng và giải pháp



Hình tính minh họa tạo bởi AI

Trong bối cảnh đất nước hội nhập sâu rộng và phát triển toàn diện, Phật giáo Việt Nam cần kiên định phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, tiếp tục khẳng định lập trường gắn bó đạo với đời, đặt lợi ích của Tổ quốc và nhân dân song hành với sự phát triển của Giáo hội. Đây là nền tảng để Phật giáo vừa giữ vững truyền thống hơn 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, vừa thích ứng linh hoạt trước những biến đổi của thời đại. Bên cạnh đó, Phật giáo cần hội nhập nhưng không hòa tan, chủ động mở rộng giao lưu quốc tế để học hỏi tinh hoa Phật học và kinh nghiệm tổ chức, đồng thời bảo tồn nguyên vẹn bản sắc văn hóa - giáo lý đặc thù của Phật giáo Việt Nam, tránh xu hướng lai

căng hoặc thương mại hóa tâm linh. Cùng với đó, việc phát huy vai trò xã hội cần được đẩy mạnh, nhất là trong các lĩnh vực giáo dục đạo đức, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe tinh thần và hoạt động từ thiện nhân đạo. Thông qua những định hướng này, Phật giáo không chỉ khẳng định vị thế trong đời sống tinh thần của nhân dân, mà còn đóng góp thiết thực vào sự phát triển bền vững và hội nhập thành công của đất nước. Trên cơ sở đó, một số giải pháp thực tiễn có thể triển khai như sau:

Một là, đổi mới công tác hoằng pháp theo hướng hiện đại. Giáo hội cần mở rộng các kênh truyền thông số, sản xuất nội dung Phật pháp đa dạng (video, podcast, đồ họa thông tin) để truyền tải giáo lý phù hợp với từng nhóm đối tượng. Đồng thời, bồi dưỡng đội ngũ giảng sư trẻ am hiểu công nghệ, có khả năng giao tiếp và truyền cảm hứng cho giới trẻ, nhằm đưa Phật pháp đến gần hơn với đời sống đương đại.

Hai là, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo Tăng Ni. Các Học viện và trường Phật học cần tích hợp thêm ngoại ngữ, kỹ năng mềm, kiến thức xã hội và quản lý Phật sự, đồng thời tổ chức tập huấn định kỳ về công tác xã hội, truyền thông và ứng dụng công nghệ. Điều này giúp Tăng Ni có đủ năng lực đảm đương vai trò hoằng pháp, quản lý và phục vụ cộng đồng trong bối cảnh hội nhập.

Ba là, phát huy mạnh mẽ hoạt động từ thiện - an sinh xã hội. Tiếp tục duy trì và nhân rộng các mô hình như “Bếp ăn từ thiện”, “Ngân hàng thực phẩm Phật giáo”, “Phòng khám y học cổ truyền Phật giáo”; đồng thời, thiết lập quỹ hỗ trợ khẩn cấp để kịp thời cứu trợ khi có thiên tai, dịch bệnh.

Bốn là, tiên phong trong bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu. Triển khai mô hình “Chùa xanh” sử dụng năng lượng tái tạo, hạn chế rác thải nhựa, tăng diện tích cây xanh; lồng ghép giáo dục môi trường vào khóa tu, sinh hoạt Phật tử, khuyến khích lối sống giản dị, hài hòa với thiên nhiên.

Năm là, tăng cường khối đại đoàn kết và đối thoại liên tôn giáo. Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần tiếp tục tham gia các diễn đàn, hội thảo liên tôn trong và ngoài nước, thúc đẩy hòa hợp tôn giáo, vận động Phật tử sống tốt đời, đẹp đạo, góp phần giữ gìn an ninh trật tự và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Sáu là, tăng cường hợp tác quốc tế về Phật giáo nhằm nâng cao vị thế Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh hội nhập. Cụ thể, Giáo hội cần mở rộng liên kết với các tổ chức Phật giáo khu vực và quốc tế (WFB, IBC), phát triển các chương trình trao đổi học giả, Tăng Ni, tổ chức khóa tu xuyên biên giới, và đồng tổ chức diễn đàn Vesak thường niên tại Việt Nam. Song song, cần hình thành mạng lưới

“Phật giáo vì môi trường” trong tiểu vùng Mekong, phối hợp cứu trợ nhân đạo và gìn giữ hòa bình. Hợp tác quốc tế sẽ giúp Phật giáo Việt Nam vừa hội nhập, vừa giữ vững bản sắc.

Những giải pháp trên, nếu được triển khai đồng bộ, sẽ giúp Phật giáo Việt Nam vừa phát huy giá trị truyền thống, vừa thích ứng linh hoạt với yêu cầu của thời đại, khẳng định vai trò đồng hành cùng dân tộc trong tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế

4. Kết luận

Hơn hai nghìn năm đồng hành cùng dân tộc, Phật giáo Việt Nam đã góp phần định hình bản sắc văn hóa, củng cố khối đại đoàn kết và tham gia tích cực vào sự nghiệp bảo vệ, xây dựng đất nước. Từ sau 1975, Giáo hội Phật giáo Việt Nam kiên định phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, vừa bảo tồn di sản tinh thần, vừa thích ứng với yêu cầu phát triển và hội nhập. Bước vào kỷ nguyên mới, Phật giáo đứng trước cả cơ hội mở rộng ảnh hưởng và thách thức từ toàn cầu hóa, biến đổi xã hội. Giải pháp trọng tâm là phát huy giá trị từ bi - trí tuệ, đổi mới phương thức hoằng pháp, nâng cao chất lượng giáo dục tăng ni, mở rộng các hoạt động xã hội - từ thiện, bảo vệ môi trường và tăng cường đối thoại liên tôn.

Với nền tảng lịch sử vững chắc và khả năng thích ứng linh hoạt, Phật giáo Việt Nam sẽ tiếp tục là lực lượng tinh thần quan trọng, đồng hành cùng dân tộc trên con đường phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Tác giả: **Phạm Văn Thịnh**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

1) Trường Đại học Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo:

1] Chinh, P. Q. (2025). Giáo dục Phật giáo trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam thời Pháp thuộc. Trong T. Đ. Thiện, & T. N. Từ, Chánh niệm trong giáo dục vì tương lai nhân ái và bền vững. Nxb Hồng Đức.

2] Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập 1). Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia sự thật.

- 3] Điện, T. T. (2022). Phát huy vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong quá trình thống nhất, phát triển và hội nhập. Tạp chí nghiên cứu Phật học.
- 4] Diệp, H. (2021, 11 03). 40 năm Giáo hội Phật giáo Việt Nam: Hội nhập và Phát triển cùng đất nước. Được truy lục từ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: <https://m.mattran.org.vn/dan-toc-ton-giao/40-nam-giao-hoi-phat-giao-viet-nam-hoi-nhap-va-phat-trien-cung-dat-nuoc-41140.html#ref-https://www.google.com/>
- 5] Đồng, T. K. (2019). Bảo tồn và phát huy giá trị di sản Phật giáo Châu Á và Việt Nam trong cách mạng công nghiệp 4.0 nhìn từ hệ quan điểm ký ức lịch sử - dân tộc. Trong T. N. Từ, Quan điểm Phật giáo về cách mạng công nghiệp 4.0 và môi trường bền vững. Nxb tôn giáo.
- 6] Hậu, N. H. (1997). Lược khảo tư tưởng Thiền Trúc Lâm Việt Nam. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
- 7] Hiệp, P. V. (2018). Khái quát một số nét bản địa hóa Phật giáo qua trường hợp Phật giáo Trúc Lâm thời Trần. Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, 169(1), trang 30-45.
- 8] Liên, T. H. (2020). Giá trị tư tưởng Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử trong hình thành bản sắc nền văn hóa dân tộc và trong việc giữ nước. Được truy lục từ Viện Trần Nhân Tông, Đại học quốc gia Hà Nội: <https://tnti.vnu.edu.vn/gia-tri-tu-tuong-phat-giao-truc-lam-yen-tu-trong-hinh-thanh-ban-sac-nen-van-hoa-dan-toc-va-trong-viec-giu-nuoc/>
- 9] Ngọc, C. (2019, 11 07). Giáo hội Phật giáo Việt Nam: 38 năm hình thành và phát triển. Được truy lục từ Giáo hội Phật giáo Việt Nam: <https://ghpgvn.vn/giao-hoi-phat-giao-viet-nam-38-nam-hinh-thanh-va-phat-trien/>
- 10] Như, N. T.(2019). Đóng góp của Phật giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp(1945-1954). Được truy lục từ Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật: <https://nxbctqg.org.vn/dong-gop-cua-phat-giao-trong-khang-chien-chong-thuc-dan-phap-1945-1954-.html>
- 11] Thạch, N. T. (2018). Hào quang vật lí trong bầu trời Phật học. Hà Nội: Nxb Thế giới.
- 12] Thanh, N. V., & Xuyên, H. T. (2019). Phát huy vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong Kỷ yếu Hội thảo Phát huy vai trò Phật giáo tham gia xã hội hóa công tác xã hội, từ thiện.

- 13] Thêm, T. N. (1997). Cơ sở văn hóa Việt Nam. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- 14] Thơm, N. T., & Hà, N. T. (2025). Văn hóa Phật giáo thời Lý, Trần và sự ảnh hưởng của nó tới lối sống, đạo đức của thanh niên Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Trong T. Đ. Thiện, & T. N. Từ, Chánh niệm trong giáo dục vì tương lai nhân ái và bền vững. Nxb Hồng Đức.
- 15] Tiến, T. N., & Sáng, H. T. (2013). Tác động phong trào đấu tranh của Phật giáo ở miền Nam Việt Nam 1963 đến quan hệ Mỹ - Ngô Đình Diệm. Trong Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: Nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam 1963. Nxb Phương Đông.
- 16] Xuân, N. T. (2005). Một số tôn giáo ở Việt Nam. Hà Nội: Nxb Tôn giáo.